



工程指示 / 要求簡箋(E.I.)

工程指示編號：EI / 5299 / 23

修改版次：A

工程編號：J - 858

工程名稱：將軍澳日出康城

工程項目：佛沙窗 地盆用玻璃 BM (放行大貨) (優先 T2 T3 9-22/F, 143 件)

收件人：Maggie

發件人：Ant Yeung

日期：03/04/2023

要求提供 / 確認 事項：
內容：

A 版：放行 T2, T3 (9-22/F) 供(9,10,12,15,16,17,18,19,20,21,22/F 共 11 層樓, 包樣板層) 143 件

A 版：已和地盆夾好包箱出貨 分座 (9-16/F 包箱) / (17-22/F 包箱)樣板層約 2023.05.08 地盆要貨

A 版：放行大貨 T1 20/F 以上, T2 T3 23/F 以上

A 版：大貨 7 月才進行熱浸和生產。已夾好分座包箱。約十層一箱。

請按玻璃 BM 生產玻璃送地盆。 需熱浸

1. 只放行生產 T1 9-19/F (9,10,12,15,16,17,18,19/F 共 8 層樓,包樣板層) 佛沙窗用玻璃, 共 32 件

2. 因應拆棚期分隔太遠, 餘下的大貨, 年後才放行

3. 附上玻璃出貨表 EXCEL, 請按出貨表排期生產、熱浸、和包箱

4. 不要印上熱浸標纖。只給"可移除"的標纖

5. 單片/Lam 片: 標籤在室內面 (注明尺寸), 方便移除

6. 此單包括 6mm 單片 / 6+1.52+6 mm Lam 片

7. 按 EI-4999 的熱浸追蹤標籤

8. 批核信件: MC41231

地盆留意: 玻璃不能反轉內外安裝, 特別留意 Lam 片, 內外顏色有大相差。(內是超白玻璃) 謝謝
謝謝

請在 2023.05.08 前完成上列要求。

附:

原合約工程包

原合約工程加 / 減賬

新工程報價

分發東莞各部門:

() 生產技術總監 連附件 () 技術部 連附件 () 生產部 連附件 () 機械設計部 連附件

() 採購部 連附件 () 生產統籌部 連附件 () 小羅&清 連附件

() 質檢部 連附件 () 會計部 連附件 () 報關組 連附件 () 其他 水洪 連附件

分發香港各部門:

() 行政部 連附件 () 會計部 連附件 () 統籌部 連附件 () 工程地盤科文 連附件 積哥

() 採購部 連附件 () QS 部 連附件 () 維修部 連附件 () 其他 _____ 連附件

傳遞編號:

HK

23
/ 22

發件人簽署:

項目經理簽署:



美特鋁質有限公司
MTR Aluminium Fabricator Ltd.

工程號: J-858
地盤名稱: 康城11期
項目類別: 預制窗

計算: WCM
核對: 日期:
批准: 日期:

2023-04-03
日期: 2023-04-03

送呈: Jason
副本: A/C Code:

日期: 2023-04-03
日期: 2023-04-03
日期: 2023-04-03

地盤用玻璃B.M.表

BM編號: 修改版次: 總計玻璃面積 (平方米): 316.19

序號	修改內容	玻璃編號	顏色與類型	玻璃尺寸		數量 (塊)	總面積 (平方米)	備注
				寬度W (mm)	高度H (mm)			
1		YG09-01	TG09: 6mm THK HEAT STRENGTHENED CLEAR GLASS +1.52mm MILKY WHITE PVB +6mm LOW IRON THK HEAT STRENGTHENED CLEAR GLASS (R20220414034)	309	1129	185	64.54	已生產24件
2		YG09-02	TG09: 6mm THK HEAT STRENGTHENED CLEAR GLASS +1.52mm MILKY WHITE PVB +6mm LOW IRON THK HEAT STRENGTHENED CLEAR GLASS (R20220414034)	454	1109	200	100.70	放行
3		YG09-03	TG09: 6mm THK HEAT STRENGTHENED CLEAR GLASS +1.52mm MILKY WHITE PVB +6mm LOW IRON THK HEAT STRENGTHENED CLEAR GLASS (R20220414034)	454	766	200	69.55	放行
4		YG09-04	TG09: 6mm THK HEAT STRENGTHENED CLEAR GLASS +1.52mm MILKY WHITE PVB +6mm LOW IRON THK HEAT STRENGTHENED CLEAR GLASS (R20220414034)	359	1129	98	39.72	放行
5		YG11-01	TG11: 6mm THK TEMPERED GLASS (R20220401057)	759	384	143	41.68	已生產8件
				合計:		826	316	

加工注意事項:

- 1)本表中所有玻璃對角線尺寸偏差要求不超過正負2mm。
- 2)本表中所有玻璃要求粗磨邊及精磨邊處理並倒棱角。
- 3)本表中不同種類玻璃參照玻璃加工圖加工。
- 4)本表中所有強化玻璃均需HEAT SOAK TEST。
- 5)本表中所有強化玻璃之入爐方向均以寬度方向進入。
- 6)本表中所有玻璃成品均需注明室內外面及其玻璃編號，以便識別。 敬

玻璃分層表

1.5 噸

1.6 * 1.06

J858 2023-04-03

EI 5299

		9/F	10/F	12/F	15/F	16/F	17/F	18/F	19/F	20/F	21/F	22/F	23/F	25/F	26/F	27/F	28/F	29/F	30/F	31/F
佛沙窗																				
1	YG09-01	T1	T1A-E/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
1	YG09-01	T1	T1B-C/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
1	YG09-01	T1	T1B-D/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5	YG11-01	T1	T1B-D/K-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	YG09-02	T2	T2A-C/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	YG09-02	T2	T2A-D/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	YG09-03	T2	T2A-C/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	YG09-03	T2	T2A-D/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4	YG09-04	T2	T2B-D/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5	YG11-01	T2	T2B-D/K-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
1	YG09-01	T3	T3B-D/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	YG09-02	T3	T3A-C/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	YG09-02	T3	T3A-D/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	YG09-03	T3	T3A-C/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	YG09-03	T3	T3A-D/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4	YG09-04	T3	T3A-F/B-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5	YG11-01	T3	T3B-D/K-1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

(沒有11,13,14,24,34,40,44,54,64,F)

T2 (9-16/F) (17-22/F) 5A相電線, 餘下大貨類 7月全鏡
 T3 (9-15/F) (17-22/F) T1 (22-25) (27-22) T1
 T2 22/F 22/F 22/F
 T3 22/F 22/F 22/F

佛沙窗	32/F	33/F	35/F	36/F	37/F	38/F	39/F	41/F	42/F	43/F	45/F	46/F	47/F	48/F	49/F	50/F	51/F	52/F	53/F
YG09-01	T1	T1A-E/B-1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1
YG09-01	T1	T1B-C/B-1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1
YG09-01	T1	T1B-D/B-1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1
YG11-01	T1	T1B-D/K-1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1	T1
YG09-02	T2	T2A-C/B-1	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2
YG09-02	T2	T2A-D/B-1	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2
YG09-03	T2	T2A-C/B-1	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2
YG09-03	T2	T2A-D/B-1	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2
YG09-04	T2	T2B-D/B-1	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2
YG11-01	T2	T2B-D/K-1	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2	T2
YG09-01	T3	T3B-D/B-1	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3
YG09-02	T3	T3A-C/B-1	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3
YG09-02	T3	T3A-D/B-1	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3
YG09-03	T3	T3A-C/B-1	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3
YG09-03	T3	T3A-D/B-1	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3
YG09-04	T3	T3A-F/B-1	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3
YG11-01	T3	T3B-D/K-1	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3	T3

↓

↗

↘

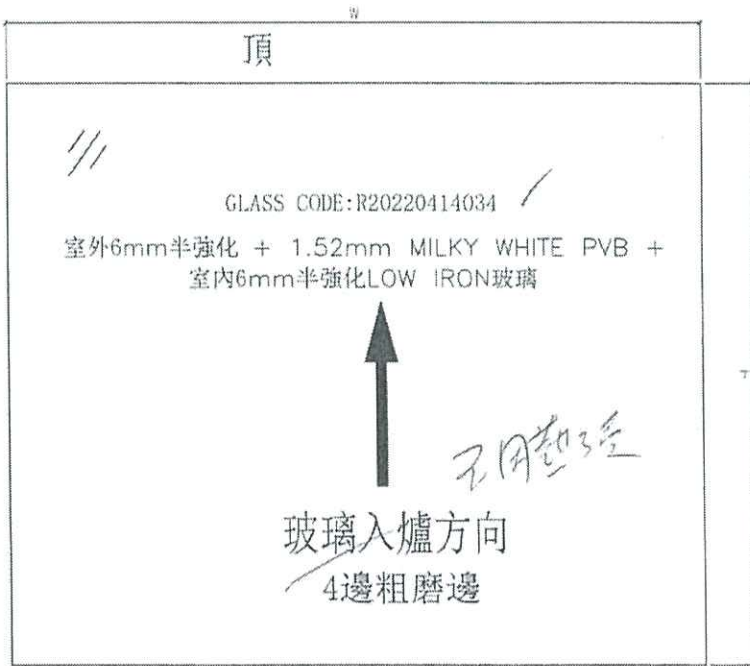
分箱表

J858 分座包箱					大貨 大約每十層一箱				EI5299A
T1	樣板層	9-19/F		大貨	20-30/F	31-39/F	41-49/F	50-59/F	60-62/F
T2	樣板層	9-16/F	17-22/F	大貨	23-30/F	31-39/F	41-49/F	50-59/F	61-67/F
T3	樣板層	9-16/F	17-22/F	大貨	23-30/F	31-39/F	41-49/F	50-59/F	61-67/F

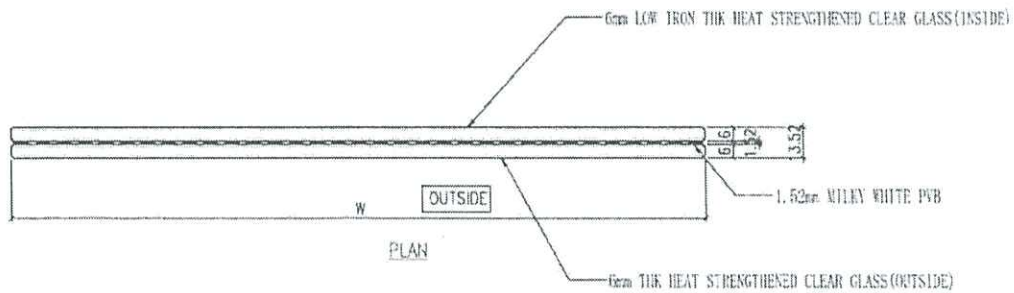
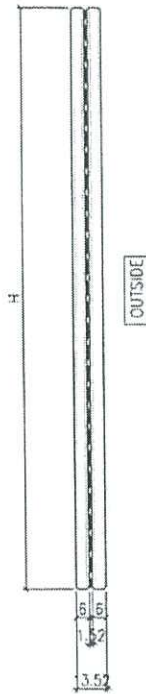


美特鋁質有限公司
MIDI Aluminium Fabricator Ltd.

工程號	J858	類別		物料號	-		
地盘	康城11期	制圖	W. E. X	2022-05-12	圖號	J858-YG09	
修改	-	採用工廠	✓	地盤	-	圖紙名稱	佛砂窗玻璃加工圖
日期	-	材料顏色	-			復核	-
						批准	-
						數量	-
						單件重量	- (KG)



底 ELEVATION (VIEWED FROM OUTSIDE)



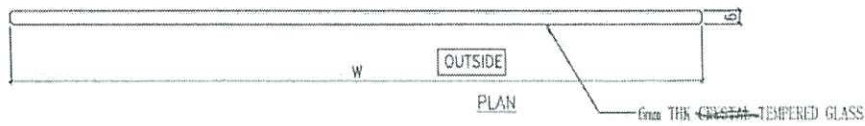
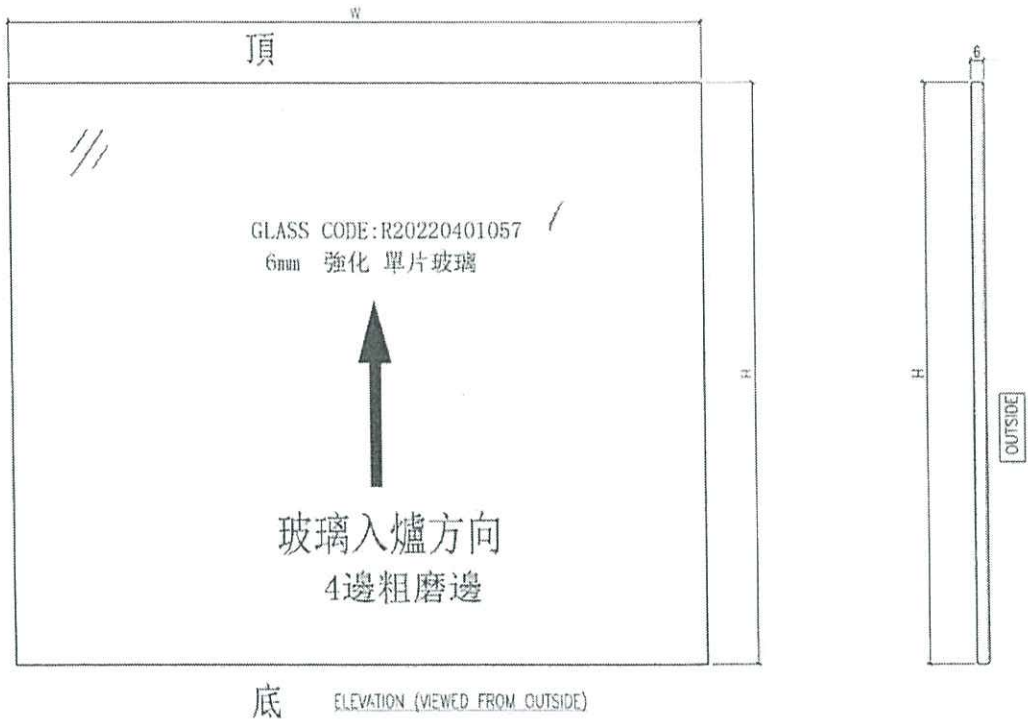
PLAN

NOTES

1. ALL DIMENSION IN mm
2. ALL EDGE CHAMFER 1x1x45°

4	YG09-04	359	1129	98
3	YG09-03	454	766.5	200
2	YG09-02	454	1109.5	200
1	YG09-01	309	1129	185
序號	玻璃編號	W	H	數量

 美特鋁質有限公司 MIDI Aluminium Fabricator Ltd.				工程號	J858	類別		物料號	-
修改	-	-	-	採用工廠	✓	地盤	-	圖號	J858-YG11
日期	-	-	-	材料顏色	-	圖紙名稱	佛砂窗玻璃加工圖	復核	-
						材料	-	批准	-
								數量	-
								單件重量	(KG)



NOTES

1. ALL DIMENSION IN mm
2. ALL EDGE CHAMFER 1x1x45°

1	YG11-01	739	384	143
序號	玻璃編號	w	h	數量